

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2026/HS-ST
Ngày 11- 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LAI CHÂU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hồng Ngoãn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đào Anh Thắng.

ông Lý Minh Quý.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tuyên - Thư ký, Tòa án nhân dân Khu vực 3- Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu tham gia phiên tòa:
ông Lò Trí Siêu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3- Lai Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 137/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 03 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo: **Phạm Trường V**; Tên gọi khác: không có tên gọi khác; sinh ngày 03/02/1964; tại H Yên; nơi cư trú: th E, xã S, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn T , (đã chết) và con bà: Đỗ Thị S , (đã chết); Vợ: Vũ Thị H , sinh năm: 1965; Con: bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1997; Tiền án: không; Tiền sự: không; về Nhân thân: Tại Quyết định số 07 ngày 17/5/2012, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm hình sự Công an tỉnh L, Phạm Trường V bị xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội về hành vi: Bán số đề; bằng hình thức phạt tiền với mức phạt là 1.000.000 đồng. Ngày 18/5/2012, Phạm Trường V đã thi hành xong khoản tiền phạt này. Hiện bị cáo được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/01/2026 đến ngày 11/01/2026. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú tại xã S, tỉnh Lai Châu cho đến nay; có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Hồ Văn T1, sinh ngày 01/01/1995; địa chỉ: tổ dân phố S, phường T, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

2. Anh Lù Văn H1, sinh ngày 10/10/1982; địa chỉ: b D, xã B, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

3. Anh Đào Minh T2, sinh ngày 23/5/1980; địa chỉ: th C, xã S, tỉnh Lai Châu; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Phạm Trường V có vợ là Vũ Thị H, sinh năm 1965 cùng trú tại th E, xã S, tỉnh Lai Châu, ký hợp đồng đại lý xổ số với Công ty TNHH một thành viên X.

Lợi dụng việc gia đình ghi xổ số, V nảy sinh ý định mua, bán các số lô trái quy định của Nhà nước để thu lợi. Phạm Trường V thỏa thuận với những người chơi số lô hình thức như sau: tỷ lệ là 1 điểm lô thắng được 80.000 đồng, người chơi có thể đánh gồm hai số bất kỳ kèm theo số điểm muốn đánh. Mỗi một điểm lô người chơi phải trả là 23.000 đồng/01 điểm. Sau đó đối chiếu với hai số cuối cùng của 27 giải kết quả xổ số miền B ngày hôm đó, nếu số đánh trùng khớp với hai số cuối cùng của 27 giải thì là trúng lô và nhận tiền theo tỷ lệ nêu trên. Nếu số lô mà người chơi đánh xuất hiện nhiều lần tại nhiều giải thì người chơi sẽ được nhận số tiền thắng theo cấp số nhân tương ứng.

Khoảng 15 giờ ngày 08/01/2026, V đang bán số lô tại nhà ở mình thì có Đào Văn T3, sinh năm 1980 trú tại th C, xã S, tỉnh Lai Châu đến hỏi mua số lô, V bán cho T3 các số 99, 77 (mỗi số 50 điểm), 03 (30 điểm) tương ứng với số tiền là 2.990.000 đồng, T3 nói với V thanh toán tiền mua số lô sau thì được V đồng ý, rồi sau đó T3 đi về.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Hồ Văn T1, sinh năm 1995, trú tại tổ dân phố S, phường T, tỉnh Lai Châu đến mua các số lô 05, 50 (mỗi số 40 điểm), T1 trả cho V số tiền là 1.840.000 đồng; nhận tiền, V ghi hai số lô T1 mua vào 01 tờ giấy được xé ra từ vỏ bao thuốc lá rồi đưa cho T1; T1 nhận tờ giấy, cất vào túi quần rồi đi về.

Đến khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, Hồ Văn T1 cùng Lù Văn H1, sinh năm 1982, trú tại b 46, xã B, tỉnh Lai Châu cùng đến mua các số lô. Lù Văn H1 mua các số lô 47, 38, 63 (mỗi số 50 điểm) tương ứng với số tiền 3.450.000 đồng; T1 tiếp tục mua của V các số lô 04, 40 (mỗi số 40 điểm) tương ứng với số tiền 1.840.000 đồng; các số này được V ghi vào 01 tờ lịch (H2, T1 dùng điện thoại di động của mình chụp lại). H sử dụng ứng dụng V2 ipay có số tài khoản 100884905281 mang tên Lù Văn H1 chuyển khoản số tiền 3.450.000 đồng vào tài khoản số 0916532794 của V đăng ký tại ngân hàng L; T1 sử dụng ứng dụng A có số tài khoản 1200209670194 mang tên Hồ Văn T1 chuyển khoản số tiền 1.840.000 đồng vào tài khoản số 0916532794 của V. Trả tiền xong, T1, H cùng nhau đi về.

Hồi 17 giờ 10 phút ngày 08/01/2026, khi Hồ Văn T1 và Lù Văn H1 đang đi bộ tại th E, xã S, tỉnh Lai Châu thì bị Tổ Công tác Phòng C - Công an tỉnh L phối hợp với Công an xã S kiểm tra hành chính, phát hiện thu giữ của T1 01 mảnh giấy có ghi số 05, 50 x 40; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A78 5G (tại mục Album có ảnh chụp tờ giấy màu trắng có các số 04, 40 x 40) và thu giữ của H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A02 (tại mục Album có ảnh chụp tờ giấy màu trắng có các số 47, 38, 63 x 50). Tại chỗ, T1 và H khai nhận, các cặp số lô trên là mua của Phạm Trường V, trú tại th E, xã S, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ lời khai của Hồ Văn T1, Lù Văn H1 và các tài liệu chứng cứ, vào hồi 17 giờ 45 phút ngày 08/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét

khẩn cấp người, nơi ở của Phạm Trường V phát hiện thu giữ: 01 quyển sổ giáo án được ghi các số lô V đã bán vào ngày 08/01/2026; 01 tờ lịch có ghi các số 47, 38, 63 x 50; 04, 40 x 40; 03, 30 x 30; 10 x 10; 01 tờ giấy được xé ra từ vỏ bao thuốc lá có viết các số 05 x 40, 50 x 40; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme và số tiền 5.640.000 đồng. Ngoài ra, trong chiều ngày 08/01/2026 tại nơi ở của mình thuộc th E, xã S, V bán các số lô cho 04 người không rõ lai lịch, cụ thể: người thứ nhất V bán các số lô 37, 71 mỗi số 10 điểm tương ứng với số tiền là 460.000 đồng; người thứ hai đến mua các số 89 (10 điểm), 19 (05 điểm) với tổng số tiền là 345.000 đồng; người thứ ba mua các số lô 10 (10 điểm), 03 và 30 (mỗi số 30 điểm) với tổng số tiền là 1.610.000 đồng; người thứ tư mua các số 98 (50 điểm), 51 (10 điểm) với tổng số tiền là 1.380.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 13.915.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Trường V đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 09/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Trường V về hành vi “Đánh bạc”, thu giữ niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại kết luận giám định số 112/KL-KTHS ngày 20/01/2026 của Phòng C Công an tỉnh L kết luận: Tổng số tiền 5.640.000 đồng (năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật.

Tại bản Cáo trạng số: 12/CT-VKSKV3 ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân khu vực 3- Lai Châu để xét xử bị cáo Phạm Trường V, về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Trường V, thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu đã truy tố là đúng quy định của pháp luật, không oan và không sai.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Phạm Trường V, phạm tội: “Đánh bạc”. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Phạm Trường V, từ 12 tháng đến 16 tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 09 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh L nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lai Châu để giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã S trong việc giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật thi hành án hình sự; bị cáo làm nghề lao động tự do, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập thấp và không ổn định nên đề nghị không áp dụng khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự và không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với bị cáo; Về vật chứng: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số IMEI 1: 864369075757011, số IMEI 2: 864369075755003 (kèm theo sim), thu

giữ của Phạm Trường V, đây là vật chứng bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.640.000 đồng và truy thu, sung công quỹ nhà nước, số tiền 8.275.000 đồng, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có; đối với 01 quyển sổ giáo án màu xanh; 02 mảnh giấy xé từ vỏ bao thuốc lá và 01 tờ lịch ghi ngày 07/01/2026 là tang vật của vụ án được lưu (kèm theo hồ sơ vụ án); Về án phí: căn cứ 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Phạm T4 V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp các tài liệu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhất trí luận tội và đề nghị của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37, Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, hành vi của bị cáo: tại phiên tòa, bị cáo Phạm Trường V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chứng cứ đã thu thập đúng trình tự, thủ tục tố tụng hình sự; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ 15 giờ đến 15 giờ 50 phút, ngày 08/01/2026, tại nơi ở của mình thuộc th E, xã S, tỉnh Lai Châu, Phạm Trường V đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái quy định của Nhà nước, cụ thể: (1) bán số lô 99, 77 (mỗi số 50 điểm), 03 (30 điểm) cho Đào Văn T3 với số tiền 2.990.000 đồng; (2) bán số lô 05, 50, 04, 40 (mỗi số 40 điểm) với số tiền 3.680.000 đồng cho Hồ Văn T1; (3) bán số lô 47, 38, 63 (mỗi số 50 điểm) với số tiền 3.450.000 đồng cho Lù Văn H3 Ngoài ra, V còn bán các số lô cho bốn người

không rõ lai lịch gồm: (1) 37, 71 mỗi số 10 điểm tương ứng với số tiền là 460.000 đồng; (2) số 89 (10 điểm), 19 (05 điểm) với số tiền là 345.000 đồng; (3) số 10 (10 điểm), các số 03 và 30 (mỗi số 30 điểm) với số tiền là 1.610.000 đồng; (4) các số 98 (50 điểm), 51 (10 điểm) với số tiền là 1.380.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 13.915.000 đồng thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L phát hiện, bắt giữ.

Bị cáo Phạm Trường V là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi đánh bạc bằng dưới hình thức mua, bán các số lô cho Đào Văn T5, Hồ Văn T1, Lù Văn H1 và những người không rõ lai lịch, trái quy định của Nhà nước để thu lợi trái quy định của Phạm Trường V là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về trật tự, an toàn công cộng, gây mất trật tự, trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Trường V đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Lai Châu truy tố bị cáo về tội danh này là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Hội đồng xét xử xét thấy việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là chưa cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ tính răn đe, phòng ngừa và tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định: “trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hằng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc thu nhập, nhưng phải ghi rõ trong bản án...”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn định, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Trường V.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, áp dụng điều khoản cũng như hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với nhân thân của bị cáo nên được chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa. Bị cáo Phạm Trường V luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trước khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Ngoài ra bị cáo có bố là Phạm Văn T6 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo làm nghề lao động tự do và thu nhập không ổn định, gia đình bị cáo khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số IMEI 1: 864369075757011, số IMEI 2: 864369075755003. Trên điện thoại có gắn 01sim Viettel trên sim có dãy số: 8984048851001068006 và 01 sim vina trên sim có dãy số: 89840200010597116748, thu giữ của Phạm Trường V, đây là vật chứng bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.640.000 đồng và truy thu, sung công quỹ nhà nước, số tiền 8.275.000 đồng, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có; đối với 01 quyển sổ giáo án màu xanh; 02 mảnh giấy xé từ vỏ bao thuốc lá và 01 tờ lịch ghi ngày 07/01/2026 là tang vật của vụ án được lưu (kèm theo hồ sơ vụ án). Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A78 5G, màu đen, kiểu máy CPH 2495, số IMEI 1: 868012068635537, số IMEI 2: 8680012068635528 thu giữ của Hồ Văn T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A02, màu xanh, kiểu máy SM-A022F/DS, số IMEI 1: 351094565333760, số IMEI 2: 355637745333765 thu giữ của Lù Văn H1; xét thấy việc trả lại vật chứng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên ngày 12/01/2026, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh L đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp là Hồ Văn T1 và Lù Văn H1 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: căn cứ 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Phạm Trường V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[9] Về trách nhiệm của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú: Thông qua vụ án này, đề nghị cấp chính quyền địa phương các xã, phường T cần nâng cao tuyên truyền, giải thích cho người dân có ý thức chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Tuyên truyền sâu rộng trong quần chúng nhân dân về tác hại tệ nạn cờ bạc, nếu mua số số cần phải lấy đầu vé để đảm bảo quyền lợi của bản thân và phòng tránh các đầu vé bị đối tượng lợi dụng để ghi số lô, số đề trái quy định của pháp luật.

* Các vấn đề liên quan:

(1) Đối với hành vi đánh bạc của Đào Văn T5, Hồ Văn T7 Số tiền đánh bạc của T3, T1 dưới 5.000.000 đồng và T3, T1 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Do đó, Công an tỉnh L ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T3, T1 là đúng quy định; Đối với hành vi đánh bạc của Lù Văn H1; số tiền đánh bạc của H dưới 5.000.000 đồng và H chưa bị kết án về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Ngày 07/9/2023, Lù Văn H1 bị Công an thành phố L, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi “đánh bạc”. Căn cứ Điều 7, Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính, hiện H được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Công an tỉnh L ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H là đúng quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

(2) Quá trình điều tra xác định, Phạm Trường V thực hiện nhiều lần hành vi đánh bạc: Kết quả điều tra xác định mỗi lần đánh của V đều dưới 5.000.000 đồng. Do đó, V không phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

(3) Kết quả điều tra không xác định được nhân thân của 04 người đã đánh bạc bằng thức ghi lô trái phép với Phạm Trường V1 vào các ngày 08/01/2026 nên không có cơ sở đề cập xử lý trong vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a,b khoản 2 Điều 106; các Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đối với bị cáo.

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Phạm Trường V, phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Trường V 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giam giữ từ ngày 08/01/2026 đến ngày 11/01/2026 (tính bằng 09 ngày cải tạo không giam giữ); bị cáo còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 21 (hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh L nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Phạm Trường V cho Ủy ban nhân dân xã S, tỉnh Lai Châu giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phạm Trường V có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục. Trường hợp Bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 36 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự: Không áp dụng hình phạt bổ sung và M khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Trường V.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, số IMEI 1: 864369075757011, số IMEI 2: 864369075755003. Trên điện thoại có gắn 01sim Viettel trên sim có dãy số: 8984048851001068006 và 01 sim vina trên sim có dãy số: 89840200010597116748, thu giữ của Phạm Trường V, đây là vật chứng bị cáo dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; số tiền 5.640.000 đồng và truy thu, sung công quỹ nhà nước, số tiền 8.275.000 đồng, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có; đối với 01 quyển sổ giáo án màu xanh; 02 mảnh giấy xé từ vỏ bao thuốc lá và 01 tờ lịch ghi ngày 07/01/2026 là tang vật của vụ án được lưu (kèm theo hồ sơ vụ án).

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 29/ 4 /2026 giữa Công an tỉnh L và Phòng thi hành án dân sự khu vực 3- Lai Châu).

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Trường V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 3- Lai Châu;
- CQCSĐT CA tỉnh Lai Châu;
- CQTHAHS CA tỉnh Lai Châu;
- THADS tỉnh Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3- Lai Châu;
- Phòng HSNV (PV06) CA tỉnh Lai Châu;
- UBND xã SH, tỉnh Lai Châu;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Ngoãn

